

1 NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI - THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

PGS, TS. VŨ HOÀNG CÔNG *

TÓM TẮT

Theo nhận định của tác giả, sau gần 40 năm coi tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác- Lê nin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam, Đảng CSVN đã thu được 5 thành tựu lớn và còn 4 hạn chế lớn trong việc nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh. Những thành tựu có được do 4 nguyên nhân và những hạn chế vì cả những nguyên nhân khách quan, song phần lớn là nguyên nhân chủ quan. Để tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới phát triển đất nước, cần phát huy những thành tựu và khắc phục những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển sáng tạo, thời kỳ đổi mới.

Nhận bài: 1/4/2025; đưa vào quy trình biên tập 1/4/2025; duyệt đăng 25/5/2025

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính từ Đại hội lần thứ VII (1991) - thời điểm lần đầu tiên Đảng ta khẳng định “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”, đến nay đất nước đã đi qua chặng đường gần 40 năm đổi mới và đạt nhiều thành tựu lịch sử, có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế quốc tế chưa từng có, đang đứng trước kỷ nguyên mới của phát triển. Câu hỏi đặt ra là Đảng ta đã đạt được những thành tựu gì trong nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh và còn những hạn chế, yếu kém gì cần phải khắc phục trong thời kỳ phát triển mới của đất nước?

Sau đây bài viết sẽ góp phần giải đáp những câu hỏi nêu trên.

2. THÀNH TỰU VÀ NGUYÊN NHÂN

Có thể đánh giá một cách các thành tựu lớn trong nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

2.1 Đã sưu tầm, hệ thống hoá di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó đã có nhiều công trình nghiên cứu giải thích, bình luận, làm rõ tư tưởng của Người về nhiều chủ đề xuyên suốt lịch sử cách mạng Việt Nam

Cho đến nay chúng ta đã có khá đầy đủ các tư liệu phản ánh trung thực sự phát triển tư tưởng của Hồ Chí Minh từ khi còn là thanh niên yêu nước tới khi đã trưởng thành, trở thành người cộng sản, là người sáng lập ĐCSVN, lãnh tụ của Đảng, của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ đấu tranh giành độc lập, kháng chiến bảo vệ nền độc lập, thống nhất tổ quốc và xây dựng CNXH ở miền Bắc. Tư tưởng của Người đã được tập hợp trong bộ sách Hồ Chí Minh Toàn tập, trong Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh, được giải thích, làm rõ một cách cô đọng trong Tiểu sử Hồ Chí Minh.

Ngoài ra là hàng trăm cuốn sách chuyên khảo của các nhà nghiên cứu, các hồi ký có độ chân thực cao của nhiều lão thành cách mạng, nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng đã từng sống,

làm việc gần gũi với Người hoặc từng được gặp gỡ Người. Những tài liệu cơ bản đó giúp cho việc nghiên cứu, giảng dạy tư tưởng của Hồ Chí Minh có căn cứ xác thực, khoa học.

2.2

Đã hình thành một môn khoa học chuyên ngành về Hồ Chí Minh (Hồ Chí Minh học) và một đội ngũ hùng hậu các nhà nghiên cứu và truyền bá tư tưởng Hồ Chí Minh trong cả nước và lan tỏa ra quốc tế

Chuyên ngành Hồ Chí Minh học đã được hình thành, có sức hút không chỉ ở trong nước mà còn với nhiều người nghiên cứu ở nước ngoài. Đã hình thành các tổ chức, đơn vị chuyên nghiên cứu, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh

trong các Học viện, trường đại học trong cả nước và ở một số trường đại học ở nước ngoài. Đã đào tạo hàng trăm người có trình độ sau đại học về nghiên cứu và giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung.

2.3

Từ việc quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, đã làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam, phương pháp luận nhận thức và hành động của Đảng

Hồ Chí Minh dạy cán bộ, đảng viên về cách nhận thức, phương pháp nhận thức. Trong Bài nói chuyện về Bản tổng cương và Điều lệ Đảng (Tại hội nghị TW 10/5/1950 chuẩn bị cho đại hội Đảng lần thứ II), Người nói “Học chủ nghĩa Mác - Lênin không phải nhấc như con vẹt “Vô sản thế giới liên hiệp lại” mà phải thống nhất chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam... Vì vậy phương châm của Đảng là: Lý luận Mác - Lênin thống nhất với thực tiễn cách mạng Việt Nam” [2, t.6, tr. 369].

Tại Đại hội lần thứ VI, mở đầu thời kỳ Đổi mới, Đảng ta đã chỉ ra nhiều nguyên nhân dẫn đến những trì trệ, khó khăn của đất nước, trong đó có nguyên nhân nhận thức. Đó là “mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của CNXH trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên”⁽¹⁾. Đồng thời với sự nóng vội, chủ quan lại có cả sự lạc hậu về tư duy “Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v.. Đó là một nguyên nhân chậm phát triển và cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, *trước hết*

là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn”⁽²⁾.

Văn kiện Đại hội nêu “muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thụ những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em, những kiến thức khoa học của thời đại”⁽³⁾. Tóm lại, phải thực sự thấm nhuần phương pháp luận duy vật biện chứng trong nhận thức về mọi vấn đề, mọi lĩnh vực.

Đảng ta đã thấm nhuần lời dạy của Hồ Chí Minh về phương pháp luận nhận thức, đã đứng vững trên lập trường duy vật biện chứng để nhìn nhận thời cuộc, khẳng định “thế giới thay đổi nhưng thời đại không thay đổi”, tin tưởng một cách kiên định chân lý “theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định tiến đến chủ nghĩa xã hội”. Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, quan hệ quốc tế phức tạp ngày nay, Đảng nắm chắc phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, luôn trung thành với mục tiêu “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, luôn bảo đảm lợi ích dân tộc, quốc gia lên hàng đầu để nhận thức và xử lý mọi vấn đề.

Một trong những biểu hiện rõ rệt của việc vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng là nhận thức ngày càng đầy đủ những mối quan hệ biện chứng trong quá trình phát triển đất nước trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Từ Đại hội lần thứ X nêu 5 mối quan hệ, Đại hội XI nêu 8 mối quan hệ, Đại hội XII nêu 9 mối quan hệ đến Đại hội XIII, Đảng đã khái quát 10 mối quan hệ trong

phát triển cần được nhận thức và giải quyết hợp lý.

Những thành công từ thực tiễn phát triển đất nước những năm qua đã chứng minh, việc quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết và cao hơn hết là học ở Người phương pháp nhận thức khoa học, đó là phương pháp tư duy duy vật biện chứng trong nhận thức và xử lý mọi vấn đề.

2.4

Trên cơ sở quán triệt, vận dụng tư tưởng của Người, đã xây dựng, bổ sung, hoàn thiện nhiều quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn trên các mặt. Có thể coi đó là sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế

Riêng về Chủ nghĩa xã hội, kinh tế thị trường, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là những vấn đề quan trọng, phải kể đến những thành tựu sau đây:

Trước hết là kiên định mục tiêu Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội. Cuối những năm 80, đầu 90 thế kỷ XX trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, ở nhiều nơi khác lâm vào thoái trào, nước ta trong tình thế vô cùng khó khăn, bị bao vây, cô lập, nhiều đảng viên dao động, ngả nghiêng, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH 1991* (và sửa đổi, bổ sung năm 2013) Đảng đã khẳng định mục tiêu tổng quát là Độc lập dân tộc và CNXH. Độc lập dân tộc ngày nay được Đảng xác định với nội hàm cơ bản là: tự quyết, tự chủ về chế độ chính trị, bảo đảm thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia đối với vùng trời, vùng biển, thềm lục địa và hải đảo phù hợp với luật pháp quốc tế; chủ động hội nhập quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế, sẵn sàng làm bạn, là đối tác tin cậy với các nước có chế độ chính trị khác nhau, là thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Nội hàm của CNXH được Cương lĩnh 2011 nêu lên với 8 đặc điểm cơ bản là: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao với quan hệ sản xuất tiến bộ phù

hợp; có văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống phồn vinh, ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ; có nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; có quan hệ hữu nghị, hợp tác, cùng phát triển với các quốc gia khác trên thế giới.

Có thể nói quan niệm như trên về CNXH là sự vận dụng sáng tạo, là sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam trong thời đại mới- thời đại CNH, HĐH, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Đảng ta đã dần hoàn thiện *lý luận về phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN*, khẳng định lý luận này là sự phát triển đột phá về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế, trả lời cho câu hỏi mà sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trăn trở về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, sản xuất nông nghiệp lạc hậu là phổ biến.

Về bản chất của Đảng, trên cơ sở vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Điều lệ Đảng hiện nay ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Thứ hai, quán triệt, vận dụng tư tưởng của Người vào bổ sung, hoàn thiện tiêu chuẩn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là của cấp uỷ viên, người đứng đầu. Theo lời dạy của Hồ Chí Minh “tự phê bình như công việc rửa mặt hàng ngày” Hội nghị TW 4 khoá XI (2012) lần đầu tiên đề ra chủ trương tiến hành Phê bình và tự phê bình trong toàn Đảng và từ đó trở thành hoạt động định kỳ của tập thể cấp uỷ các cấp ở mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng. Hội nghị BCHTW lần thứ 3 khoá XII ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/2/2016 về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ”. Hội nghị TW 7 khoá XII đã ban hành Nghị quyết về Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có chất lượng, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Hội nghị Trung ương 8 khoá XII đã ban hành Quy định về Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Uỷ viên Bộ chính trị, uỷ viên Ban bí thư, uỷ viên Trung ương Đảng. Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII (tháng 10/2021) đã ban hành kết luận số 21 về tiếp tục “Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm đảng viên suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện tự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Những điều này được cụ thể hóa bằng Quy định số 37- QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban chấp hành Trung ương khoá XIII Về những điều đảng viên không được làm (thay cho Quy định số 47- QĐ/TW ngày 1/11/2011 của Ban chấp hành Trung ương khoá XI); Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương”. Ngày 6 tháng 2 năm 2020 Ban chấp hành Trung ương ban hành Quy định số 214-QĐ/TW về “Khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư quản lý”.

Thứ ba, quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để bổ sung, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng ngừa, đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực. Bộ chính trị khoá XIII ban hành quy định về Quy định 114-QĐ/TW “Về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ” ; Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị “Về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán”....

Thứ tư, quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong các công tác thường xuyên của Đảng (công tác dân vận, kiểm tra, tổ chức cán bộ, tư tưởng-lý luận...)

Tuân theo tư tưởng Hồ Chí Minh “lãnh đạo phải có kiểm tra, không kiểm tra coi như không lãnh đạo”, trong các nhiệm kỳ vừa qua Đảng đã hết sức coi trọng và thực hiện quyết liệt công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật. Đảng đã kỷ luật hàng chục cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương, Bộ Chính trị, Ban bí thư quản lý và hàng nghìn đảng viên khác trong nhiệm kỳ XII, XIII đã chứng minh tinh thần “không có vùng cấm” “không có ngoại lệ” trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng, được đông đảo quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ.

Theo tư tưởng của Hồ Chí Minh “không có lý luận cách mệnh thì không có phong trào cách mệnh”, “đảng cách mệnh phải có lý luận cách mệnh dẫn đường”... đồng thời với việc chú trọng nghiên cứu, phát triển di sản lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng luôn chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, từ đó đúc rút thành lý luận mới, phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước, của thời đại. Mặt khác, Đảng đã đẩy mạnh công tác đấu tranh tư tưởng nói chung, đấu tranh lý luận nói riêng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ năm, về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Trước hết, quán triệt tư tưởng “mọi quyền bính thuộc về nhân dân” Hiến pháp 1992 khẳng định Nhà nước CHXHCN Việt Nam

là nhà nước của dân, do dân, vì dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức (điều 2); bảo đảm và không ngừng thúc đẩy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi phương diện (điều 3).

Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) bổ sung thêm: Nhà nước CHXHCN Việt Nam là *nhà nước pháp quyền* của dân, do dân, vì dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức; *quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp* (điều 2). Nhà nước bảo đảm và không ngừng thúc đẩy quyền làm chủ mọi mặt của nhân dân, *thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện* (điều 3)

Hiến pháp 2013 tiếp tục bổ sung thêm một số điểm mới: khẳng định quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và *kiểm soát lẫn nhau* giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (điều 2); Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm *quyền con người, quyền công dân* (điều 3). Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng *dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện* thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước (điều 6). Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền (điều 8).

Về quyền con người, quyền công dân: căn cứ vào Hiến pháp, nhà nước ta đã sửa đổi nhiều điều của Bộ luật hình sự, Bộ Luật tố tụng hình sự, đã sửa đổi Luật báo chí, ban hành Luật

khuyến nạy, tố cáo, Luật xuất bản, Luật tiếp cận thông tin, Luật an ninh mạng...

Về chế độ công chức, công vụ: Nhà nước đã ban hành, sửa đổi các văn bản pháp lý về cán bộ, công chức, từ Pháp lệnh cán bộ, công chức những năm đầu thập niên 90 tới Luật cán bộ, công chức đầu những năm 2000 và Luật cán bộ, công chức 2015 để ngày càng thể hiện rõ tư tưởng của Hồ Chí Minh: cán bộ, công chức là công bộc của dân, phục vụ nhân dân, phục sự tổ quốc.

Thứ sáu, về xây dựng, củng cố Mặt trận tổ quốc và các tổ chức quần chúng trong hệ thống chính trị

Cương lĩnh 1991 nêu rõ MTTQ Việt Nam và 5 tổ chức chính trị-xã hội (thường được gọi là các tổ chức quần chúng hoặc đoàn thể quần chúng) là *thành viên của Hệ thống chính trị*. Cương lĩnh 2011 và Hiến pháp 2013 sau khi khẳng định các tổ chức trên có vai trò đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thành viên, hội viên; là cơ sở chính trị của nhà nước, tham gia xây dựng nhà nước, còn ghi nhận thêm vai trò *giám sát và phản biện xã hội* đối với Đảng và nhà nước. Để cụ thể hoá điều này, Bộ chính trị đã ban hành Quyết định 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về “*Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc Cương lĩnh 1991 và Cương lĩnh sửa đổi, bổ sung 2011 đều khẳng định bài học về đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”. Đảng đã sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách mới và thực hiện nhiều hình thức tập hợp, đoàn kết đối với các tôn giáo, dân tộc, các tầng lớp, giai cấp trong xã hội, đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, Bộ chính trị khoá VI năm 1990 đã ban hành Nghị quyết số 24 về công tác tôn giáo trong tình hình mới, đánh dấu bước chuyển căn bản trong chính sách của Đảng với tôn giáo, tạo điều kiện cho thời kỳ phát triển mới

của các tôn giáo ở Việt Nam và công tác tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Chính sách tôn giáo của Đảng được thể chế hóa bằng Pháp lệnh tôn giáo, tín ngưỡng năm 2004 và được nâng lên thành Luật tôn giáo, tín ngưỡng ban

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ đối ngoại và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, trong thời kỳ Đổi mới, Đảng và nhà nước ta đã tạo nên bước chuyển căn bản đường lối đối ngoại của đất nước. Phương châm chiến lược của đường lối đối ngoại nói chung được xác định rõ: trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, Việt Nam thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, hợp tác cùng phát triển, các bên cùng có lợi, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, là đối tác tốt và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế... Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản tạo khuôn khổ chính trị, pháp lý cho quan hệ đối ngoại trên mọi mặt, trước hết là về mặt kinh tế. Việt Nam đã hội nhập quốc tế không chỉ là hội nhập về kinh tế mà còn hội nhập về chính trị, an ninh, quốc phòng; không chỉ tăng cường quan hệ đối ngoại nhà nước, đối ngoại của đảng mà còn đối ngoại nhân dân thông qua các tổ chức hữu nghị và các kênh đối ngoại khác. Nhờ đó, từ chỗ bị bao vây, cô lập, tính đến tháng 6 năm 2023 Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với

192 quốc gia trên thế giới (190/193 thành viên Liên hợp quốc), đã hai lần được bầu làm thành viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc và ngày càng có uy tín và vị thế cao trên trường quốc tế.

Vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh về phát huy quyền làm chủ của nhân dân Đảng khẳng định bảo đảm và phát huy dân chủ bằng cả phương thức trực tiếp và gián tiếp. Tiếp theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá VIII, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 30, Chính phủ ban hành Nghị định số 29 (năm 1998) về thực hiện Quy chế Dân chủ cơ sở, sau này nâng lên thành Pháp lệnh Dân chủ cơ sở và ngày nay là *Luật thực hiện dân chủ cơ sở* (2022). Đây là những bước tiến trong nhận thức và thể chế hoá chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XIII (2021) còn bổ sung thêm mệnh đề *Dân thụ hưởng*.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là công việc của dân”, “yêu nước thì phải thi đua, người thi đua là người yêu nước”, trong những năm Đổi mới, việc tổ chức phát động, hướng dẫn thi đua và khen thưởng thành tích thi đua đã được coi trọng. Luật thi đua khen thưởng ra đời năm 2005 và được sửa đổi đã tạo khuôn khổ pháp lý cho phong trào thi đua sôi nổi trong toàn xã hội, qua đó bồi dưỡng nhân tố mới, lấy cái đẹp dẹp cái xấu.

2.5

Đã có nhiều lớp cán bộ, đảng viên và quần chúng sống và làm việc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, trở thành tấm gương sáng trong xã hội, góp phần hình thành, phát triển bản sắc văn hoá Việt Nam và con người Việt Nam trong thời đại mới

Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta nhận định “Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”... “Tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta”.

Mặc dù vậy, không phủ nhận được đã có chục nghìn, trăm nghìn cán bộ, đảng viên, vẫn giữ được phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong công tác mẫu mực, được quần chúng nhân dân tín nhiệm. Những tấm gương tốt, những việc làm tử tế xuất hiện ở khắp nơi, trên mọi lĩnh vực, không chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài. Rất nhiều người có ý thức rõ về việc sống và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Từ đó

lan tỏa ra cộng đồng, xã hội, lôi cuốn hàng triệu người khác, nhất là lớp thanh niên vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ tổ quốc.

Sở dĩ có những thành tựu trên là vì những nguyên nhân sau:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự có giá trị lịch sử và thời đại, tư duy của Người thực sự thấm nhuần phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin

- Nhân dân Việt Nam và thế giới yêu quý, tin tưởng và trân trọng di sản tư tưởng Hồ Chí Minh

- Đảng, Nhà nước ta đã đầu tư đáng kể cho nghiên cứu cơ bản về thân thế, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh

- Đã có sáng tạo trong tổ chức cuộc vận động học tập, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh để tư tưởng, tấm gương của Người lan tỏa rộng rãi.

3. HẠN CHẾ

Bên cạnh những thành tựu to lớn, còn có một số hạn chế sau:

3.1 Về mặt nghiên cứu, kể từ khi hoàn thành xuất bản lần thứ hai Hồ Chí Minh toàn tập và Biên niên tiểu sử, hầu như chưa có phát hiện thêm đáng kể nào về di sản tư tưởng của Người

Từ khi khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng, đã có nhiều công trình nghiên cứu, góp phần làm rõ giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và về Đảng, HTCT nói riêng, trên cơ sở đó Đảng đã quán triệt, vận dụng vào phát triển lý luận, hoàn thiện đường lối phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Tuy nhiên trong 2 thập niên vừa qua chưa có thêm những phát hiện mới đáng kể về cuộc đời hoạt động cũng như các tác phẩm, các văn bản của Người hoặc liên quan đến Người. Một số “tồn nghi” vẫn dai dẳng trong dư luận chưa được các nhà khoa học trả lời dứt khoát.

3.2 Trong một số vấn đề, sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh chưa sáng tạo, chưa thấm nhuần quan điểm lịch sử, cụ thể, đặc biệt trong bối cảnh đất nước hoà bình, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN

Những lời dạy của Hồ Chí Minh đối với cán bộ, đảng viên về “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư” rất đúng trong bối cảnh đất nước còn đang kháng chiến giành độc lập và thống nhất tổ quốc. Nay đất nước đã độc lập, thống nhất và bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng CNXH, thì “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư” cần phải có nội hàm phù hợp. Phải làm sao để cán bộ, đảng viên có được những phẩm chất đó bằng lý tưởng, danh dự của người cộng sản và bằng chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp với điều kiện của xã hội, nói cách khác là có động lực từ lợi ích vật chất tương xứng tài năng, đạo đức của mỗi người. Chế độ lương, thưởng mang tính bình quân chủ nghĩa phù hợp với thời kỳ khó khăn, thời kỳ cần huy động mọi sức người, sức của, ưu tiên cao nhất cho mục tiêu giải phóng dân tộc, nay không còn phù hợp với thời kỳ phát triển kinh tế thị trường, cần tối tài năng, sự sáng tạo và đóng góp cá nhân. Nhưng điều này chưa được nhận thức và giải quyết thích đáng. Đó cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến nhiều cán bộ, đảng viên rơi vào suy thoái chính trị, đạo đức, lối sống, vướng vào tham nhũng, tiêu cực.

3.3 Trên cơ sở quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương đúng, song một số chủ trương chưa có giải pháp và hành động tương xứng, kịp thời, nói không đi đôi với làm

Ví dụ về vấn đề giám sát, phản biện xã hội của MTTQVN và các tổ chức CT-XH. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ X (năm 2006) Đảng nêu chủ trương “Nhà nước ban hành

cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội” [1, X, tr. 124]. Nhưng phải 7 năm sau, Nghị quyết số 25 của Hội nghị TW 7 khóa XI (tháng 6/2013) mới nêu: “Sớm ban hành và thực hiện tốt quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, quy định để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh”⁽⁴⁾. Năm năm sau, Bộ Chính trị khoá XI mới ban hành “*Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*” tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013. Thêm bốn năm nữa, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mới ban hành Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017

Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đây là văn bản hướng dẫn cụ thể MTTQ và các tổ chức CT-XH tiến hành phản biện xã hội đối với các văn bản của các cơ quan chính quyền cùng cấp.

Năm 1997 lần đầu tiên, Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành TW Đảng khoá VIII, đã ban hành Chiến lược cán bộ, trong đó nêu chủ trương “Có chính sách đoàn kết tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng những người có đức, có tài trong Đảng và ngoài Đảng, người ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Phát hiện, lựa chọn và giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn trong các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để họ đóng góp vào các công việc chung của đất nước”⁽⁵⁾. Nhưng đến nay kết quả rất hạn chế vì hầu như không có giải pháp đột phá, mạnh mẽ, hiệu quả tương xứng.

3.4

Việc thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở không ít nơi có dấu hiệu chững lại hoặc chiều lệ

Từ 2006, Bộ chính trị khoá X đã ban hành Chỉ thị 06, sau đó là Chỉ thị 05 khoá XI và Chỉ thị 03 khoá XII về đẩy mạnh cuộc vận động học tập, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh trong toàn đảng, toàn xã hội, gắn với công tác xây dựng Đảng, với cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đó là chủ trương đúng, song từ khi ban hành Chỉ thị 03 nhiều cấp uỷ và người đứng đầu cấp uỷ có phần sao nhãng, thiếu sáng tạo trong việc duy trì những kết quả tích cực của thời kỳ đầu, hoặc thực hiện Chỉ thị 03 một cách hình thức, chiếu lệ.

Sở dĩ có những hạn chế trên vì các nguyên nhân khách quan sau:

- Bối cảnh trong nước và quốc tế có những biến động to lớn. Chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô, Đông Âu, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế suy thoái từ cuối thập niên 80 thế kỷ trước đã tác động mạnh tới tư tưởng của cán bộ, đảng viên. Tiếp theo từ thập kỷ 90, kinh tế thị trường được phát triển và

hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trong khi thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta chưa hoàn chỉnh, là mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng, tiêu cực, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân phát triển mạnh mẽ và thúc đẩy suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả không ít cán bộ cấp trung, cao cấp... Trong bối cảnh đó việc học tập, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh dù được triển khai mạnh mẽ, sâu rộng vẫn gặp nhiều trở ngại, có lúc có nơi chỉ mang tính phong trào, không đạt được kết quả thực chất.

- Việc khai thác tư liệu, văn bản của Hồ Chí Minh hoặc về Hồ Chí Minh là quá trình rất khó khăn, đòi hỏi công phu, kiến thức và phương pháp nghiên cứu rất chuyên nghiệp mà ít người đáp ứng được. Các nhân chứng cùng thời với Hồ Chí Minh đã qua đời, nên không còn nguồn cung cấp thông tin gốc phục vụ sưu tầm, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó là các nguyên nhân chủ quan sau:

- Có tư tưởng thoải mải với những thành quả nghiên cứu đạt được. Những nỗ lực chung của toàn Đảng chủ yếu dành cho việc tìm hiểu, giải thích, làm rõ và truyền bá tư tưởng Hồ Chí Minh hơn là tiếp tục nghiên cứu, khai thác, sâu tằm thêm tư liệu về Hồ Chí Minh.

- Năng lực của đội ngũ các nhà nghiên cứu trong những năm gần đây bộc lộ nhiều hạn chế, nhất là khả năng tiếp cận các nguồn lưu trữ nên hầu như không có kết quả nghiên cứu mới đáng kể nào.

- Những năm gần đây thiếu sự đầu tư thích đáng cho nghiên cứu cơ bản, tìm tòi, phát hiện mới về Hồ Chí Minh, nhất là nghiên cứu những khoảng thời gian còn ít thông tin về

Người, giải đáp dứt khoát những “tồn nghi” trong dư luận về Hồ Chí Minh.

- Ranh giới giữa vận dụng với phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự rõ ràng. Giới nghiên cứu lý luận nói chung, nghiên cứu Hồ Chí Minh nói riêng, hầu như không dám nghĩ, dám làm, dám vượt qua ranh giới đó.

- Một số cán bộ lãnh đạo trung, cao cấp, người đứng đầu cấp uỷ địa phương, bộ ngành, không gương mẫu trong học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thậm chí nhiều người phải chịu các hình thức kỷ luật Đảng, bị xử lý về mặt pháp luật, đã ảnh hưởng xấu tới đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng, tới cuộc vận động học tập, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

4. KẾT LUẬN

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước cho đến nay, Đảng ta ngày càng nhận thức rõ sự cần thiết nghiên cứu, học tập, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị. Những thành tựu đạt được là rất lớn, song cũng còn một số hạn chế vì cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bước vào chặng đường phát triển mới, vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, những di sản tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn là một bộ phận quan trọng của nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng ta. Để tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và hệ thống chính trị nói riêng cần phải có các giải pháp thích hợp nhằm phát huy những bài học, những nguyên nhân dẫn đến thành tựu, đồng thời khắc phục những nguyên nhân của hạn chế, nhất là các nguyên nhân chủ quan./.

CHÚ THÍCH

(1), (2), (3) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-Dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lần-thứ-VI>

(4) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/ngghi-quyet-so-25-nqtw-ngay-362013-hoi-nghi-lan-thu-7-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-tang-cuong-va-doi-moi-579>

(5) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-viii/ngghi-quyet-so-03-nqhntw-ngay-1861997-hoi-nghi-lan-thu-ba-bchtw-dang-khoa-viii-ve-chien-luoc-can-bo-thoi-ky-day-manh-cong-674>

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng: lần thứ VI, X. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 2006
- <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/ngghi-quyet-so-25-nqtw-ngay-362013-hoi-nghi-lan-thu-7-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-tang-cuong-va-doi-moi-579>

- <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-viii/ngghi-quyet-so-03-nqhntw-ngay-1861997-hoi-nghi-lan-thu-ba-bchtw-dang-khoa-viii-ve-chien-luoc-can-bo-thoi-ky-day-manh-cong-67>